



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 240050
VEWL.# _____
I-171 : Yes, No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN H PHUNG
Last Middle First

Current Address 14/2^b NGUYEN HUY LUONG F.14. BINH TRIANH - HO CHI MINH
Date of Birth 10-10-1928 Place of Birth VIET NAM
VIET NAM

Previous Occupation (before 1975) COLONEL, CHIEF OF OFFICE 6, MILITARY REGION III
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 7-1975 To 9-1987

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN HIEU C
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN HIEU C</u>	<u>SON</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 11-19-88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU PHONG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI HUONG	12 - 24 - 1933	SPOUSE
NGUYEN HUU PHUOC	3 - 27 - 1953	SON
NGUYEN THI THU THUY	4 - 19 - 1954	DAUGHTER
NGUYEN TAN HAI	4 - 17 - 1955	SON
NGUYEN HUU DUNG	7 - 12 - 1958	SON
NGUYEN HUU TUAN	7 - 23 - 1962	SON
TRUONG THI HONG	1957	DAUGHTER IN LAW
LY THI MY LINH	9 - 27 - 1960	DAUGHTER IN LAW
NGUYEN TRUONG HONG HUYNH	8 - 6 - 1987	NIECE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



STATE OF WASHINGTON
DEPARTMENT OF SOCIAL AND HEALTH SERVICES

Olympia, Washington 98504-0095

TRANSLATION

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Department of Interior
Camp of Xuan Loc
No. 44 GRT
File No.: 00087801532

"RELEASE FROM CAMP" PAPER

- In reference to Memo No. 966-BCA/TT issued by the Department of Interior on 5-31-1961;
- In execution of Decree No. 03/QD issued on 08-20-1987 by the Department of Interior;

This certificate of release from camp is issued to:

Name: NGUYEN HUU PHUNG, born in 1928
Place of birth: Tien Giang
Residence address before the arrest: 14/2B Nguyen Van Truong, Binh Thanh, Ho Chi Minh City
Felony: Colonel, Chief of Office 6, Military Region III
Designated location for probation: 14/2B Nguyen Van Truong, Binh Thanh, Ho Chi Minh City

Comments on behavior during the detention period: Many efforts have been made to complete the assigned works during the detention period. Comply strictly with the camp regulations.

Period of probation: 12 months.

The parolee must report in his person to the People's Committee of his residential quarter before 9-20-1987.

Parolee's finger print and signature

Date: 9-8-1987
Deputy Camp SuperIntendent
Major Nguyen Thanh Tan
(signature)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE:

I, the undersigned Vu Duc Vinh, hereby certify that the above is an accurate translation of the original "Release from Camp Paper" in Vietnamese and that I am competent in both English and Vietnamese to render such translation.

Date: 2/22/1988

Signature of translator: 

Department of Social and Health Services
Refugee Community Development Office
3600 S. Graham Street (N41-1)
Seattle, WA 98118

BỘ NỘI VỤ
Trại **XUAN LOC**
Số **44** GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2563 ngày 27 tháng 11
năm 1972

0	0	0	8	7	8	0	1	5	3	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-12-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **08/QĐ** ngày **20** tháng **08** năm **1987**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN HỮU PHỤNG**

Sinh năm 19 **28**

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Tiền Giang

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

14/2B Nguyễn Văn Trương . Bình Thạnh . TP/ HCM .

Can tội **Đại tá trưởng phòng 6 quân khu 3 .**

Bị bắt ngày **14-6-1975**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **14/2B Dương Nguyễn Văn Trương . Bình Thạnh . TP/ HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

- Trong thời gian cải tạo ở trại có nhiều cố gắng hoàn thành công việc giao . Nội quy chấp hành nghiêm .

(**Quản chế : 12 tháng**)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **20** tháng **09** năm **1987**

Chữ ký ngón tay phải

Nguyễn Hữu Phụng

Chữ ký ngón tay trái

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Nguyễn Hữu Phụng

Ngày **08** tháng **9** năm 19 **87**

P. Giám thị

Nguyễn Thanh Tâm

Nguyễn Hữu Phụng

Thị trấn : Nguyễn Thanh Tâm



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIÁO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----0000000-----

Ban Chấp Hành T.Ư. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIÁO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tủy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: NGUYEN HIEU C

Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN HUỖ PHUNG

Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:

(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

CHA

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niên liễm: _____ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: ☒ (tùy ý)

Thủ từ, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # 240050

VEWL.#

I-171 : Yes, No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN H PHUNG
Last Middle First

Current Address 14/2^b NGUYEN HUY LONG F-14 - BINH TRIAM - HO CHI MINH
VIET NAM

Date of Birth 10-10-1928 Place of Birth VIET NAM

Previous Occupation (before 1975) COLONEL, CHIEF OF OFFICE 6, MILITARY REGION I
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-14-1975 To 09-08-1987

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN HIEU C
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN HIEU C</u>	<u>SON</u>
<u> </u>	<u> </u>
<u> </u>	<u> </u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 11-19-88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU PHONG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI HUONG	12 - 24 - 1933	SPOUSE
NGUYEN HUU PHUOC	3 - 27 - 1953	SON
NGUYEN THI THU THUY	4 - 19 - 1954	DAUGHTER
NGUYEN TAN HAI	4 - 17 - 1955	SON
NGUYEN HUU DUNG	7 - 12 - 1958	SON
NGUYEN HUU TUAN	7 - 23 - 1962	SON
TRUONG THI HONG	1957	DAUGHTER IN LAW
LY THI MY LING	9 - 27 - 1960	DAUGHTER IN LAW
NGUYEN TRUONG HONG HUYNH	8 - 6 - 1987	NIECE

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN H PHUNG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 10 10 1928
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 14/2^b NGUYEN HUY LUONG Fung 14
 (Dia chi tai Viet-Nam) Q. BINH THANH T/P HO CHI MINH V.N

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐
 If Yes (Neu co): From (Tu): 7-1975 To (Den): 9-1987

PLACE OF RE-EDUCATION: LANG SON - HA NAM NINH - XUAN LOC
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): CAN SU DIEN TU
 - SIGNAL COMPANY OFFICE COURSE IN USA 1957 1962

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): ADVANCE ASSOCIATE SIGNAL OFFICE COURSE AT FORT MONMOUTH NJ
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): DAI TA TRUONG PHONG 6 - QUAN DOAN 3 (USA)
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒
 IV Number (So ho so): IV 240050
 No (Khong): ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 10
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 14/2^b NGUYEN HUY LUONG
FUNG 14 Q. BINH THANH T/P HO CHI MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
NGUYEN HIEU

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): CON

NAME & SIGNATURE: Hieu
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYEN HIEU C

DATE: 11 19 88
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU PHUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI HUONG	12 - 24 - 1933	VỢ
NGUYEN HUU PHUOC	3 - 27 - 1953	CON
NGUYEN THI THU THUY	4 - 19 - 1954	CON GAI
NGUYEN TAM HAI	4 - 17 - 1955	CON
NGUYEN HUU DUNG	7 - 12 - 1958	CON
NGUYEN HUU TUAN	7 - 23 - 1962	CON
TRUONG THI HONG	1957	CON DÂU
LY THI MY LINH	9 - 27 - 1960	CON DÂU
NGUYEN TRUONG HONG HUYNH	8 - 6 - 1987	CHAU GAI

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN H PHUNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 10 10 1928
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 14/2^b NGUYEN HUY LUONG Fung 14
(Dia chi tai Viet-Nam) Q. BINH THANH T/P HO CHI MINH V.N

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐
If Yes (Neu co): From (Tu): 7-1975 To (Den): 9-1987

PLACE OF RE-EDUCATION: LANG SON - HA NAM NINH - XUAN LOC
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): CAN SU DIEN TU
- SIGNAL COMPANY OFFICE COURSE IN USA 1957 1962

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): ADVANCE ASSOCIATE SIGNAL OFFICE COURSE AT FORT MONMOUTH NJ
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): DAI TA TRUONG PHONG 6 - QUAN DOAN 3 (USA)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒ No (Khong): ☐
IV Number (So ho so): IV 240050

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 10
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 14/2^b NGUYEN HUY LUONG
FUNG 14 Q. BINH THANH T/P HO CHI MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN HIEU

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): CON

NAME & SIGNATURE: Hieu Nguyen
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYEN HIEU C

DATE: 11 19 88
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN HUU PHUNG
(Listed on page 1)

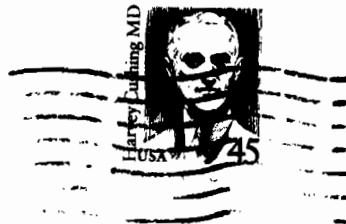
NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI HUONG	12 - 24 - 1933	VỢ
NGUYEN HUU PHUOC	3 - 27 - 1953	CON
NGUYEN THI THU THUY	4 - 19 - 1954	CON GAI
NGUYEN TAN HAI	4 - 17 - 1955	CON
NGUYEN HUU DUNG	7 - 12 - 1958	CON
NGUYEN HUU TUAN	7 - 23 - 1962	CON
TRUONG THI HONG	1957	CON DAU
LY THI MY LINH	9 - 27 - 1960	CON DAU
NGUYEN TRUONG HONG HUYNH	8 - 6 - 1987	CHAU GAI

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HIC 1604EM

USA



NOV 23 1988 TO:

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION

P.O BOX 5435 ARLINGTON .

VA 22205-0635

USA

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ * Membership; Letter

5/10/89